

KẾT CẤU, THỂ THỨC VĂN BẢN VÀ LIÊN KẾT VĂN BẢN TRONG VĂN BẢN HỢP ĐỒNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Nhận bài:

21 - 10 - 2019

Chấp nhận đăng:

03 - 11 - 2019

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Bùi Trọng Ngoãn^a, Phạm Thị Thanh Mai^{a*}

Tóm tắt: Văn bản hợp đồng đã được nhắc đến nhiều trong các công trình liên quan đến phong cách chức năng ngôn ngữ và soạn thảo văn bản, nhưng các công trình đó chưa thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu ngôn ngữ thường được sử dụng trong các văn bản hợp đồng và các lí thuyết về cách soạn thảo văn bản hợp đồng. Về mặt lí thuyết, văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là loại văn bản hành chính mang tính pháp quyền; nó vừa là đối tượng của hành chính học vừa là đối tượng của ngôn ngữ học. Bài viết nghiên cứu về kết cấu, thể thức văn bản và liên kết văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng với mục đích khảo sát đầy đủ hơn các dấu hiệu của phong cách chức năng ngôn ngữ hành chính trong một kiểu loại văn bản đặc thù.

Từ khóa: hợp đồng; liên kết văn bản; đào tạo; giáo dục; trường đại học sư phạm.

1. Đặt vấn đề

Văn bản hành chính trong đó có văn bản hợp đồng lưu hành phổ biến trong mọi hoạt động đời sống xã hội. Văn bản hợp đồng là công cụ pháp lí quan trọng để các chủ thể trong xã hội trao đổi, dịch chuyển các lợi ích do mình tạo ra và nhận lại những lợi ích vật chất cần thiết từ các chủ thể khác nhằm thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của mình. Văn bản hợp đồng cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình vận hành của nền kinh tế, vì nó là hình thức pháp lí cơ bản của sự trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong xã hội. Nó đã được miêu tả sơ bộ trong một số sách về phong cách học hoặc là kinh tế nhưng sự nhận diện đầy đủ về đặc điểm ngôn ngữ và thể thức văn bản của nó chưa thực sự thỏa mãn nhu cầu hiểu biết. Trong thực tế, hầu như mọi giao dịch có liên quan đến quyền lợi giữa các đối tác, bao giờ cũng có hợp đồng như là một căn cứ của quá trình thực hiện nhưng hầu như người soạn thảo hợp đồng chỉ dựa theo những hợp

đồng trước đó như một dạng khuôn mẫu kinh nghiệm chứ chưa hẳn là một khuôn mẫu văn bản có tính pháp quy. Văn bản hợp đồng, về mặt lí thuyết, là kiểu văn bản kinh tế trong phong cách ngôn ngữ hành chính - công vụ. Do đó, các công trình phong cách học đã đề cập về nó nhưng chưa được miêu tả một cách chi tiết. Sau này nhờ sự phát triển của các hoạt động kinh tế, văn bản hợp đồng trở nên phổ dụng thì mới có một số công trình kinh tế học hoặc hành chính học miêu tả về nó. Chẳng hạn có thể kể đến các công trình: *Các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất dùng trong doanh nghiệp* của tác giả Lương Đức Cường; *Nghiên cứu chức năng ngôn ngữ văn bản quản lí nhà nước* của Nguyễn Thị Hà; *Soạn thảo và ban hành văn bản của cơ quan - tổ chức của tác giả Tạ Hữu Ánh*; *Tìm hiểu kĩ thuật trình bày văn bản công tác văn thư - Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật* của Luật gia Lê Văn Chân; *Soạn thảo văn bản của các tổ chức Đảng, Mặt trận, Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, cấp cơ sở và trên cơ sở* của Lê Văn In; *Quản trị hành chính văn phòng* của tác giả Mike Harvey do Cao Xuân Đỗ dịch. Về phương diện ngôn ngữ học, kể từ sau năm 1954 hàng loạt các công trình đề cập tới lí thuyết hoặc mang tính thực hành về phong cách ngôn ngữ ra đời. Có thể kể đến ở đây một số giáo

^aTrường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

* Tác giả liên hệ:

Phạm Thị Thanh Mai

Email: pttmai@ued.udn.vn

trình tiêu biểu như: *Phong cách học tiếng Việt* của nhóm tác giả Cù Đình Tú - Lê Anh Hiền - Nguyễn Thái Hòa - Võ Bình (1982), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt* của Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học tiếng Việt* do Đinh Trọng Lạc chủ biên (1993), *Phong cách học và các phong cách chức năng tiếng Việt* (2000) và *Phong cách học tiếng Việt hiện đại* (2001) của Hữu Đạt.

Nói tóm lại, văn bản hợp đồng đã được nhắc đến nhiều trong các công trình liên quan đến phong cách chức năng và soạn thảo văn bản, nhưng các công trình đó chưa thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu các lí thuyết về cách soạn thảo văn bản hợp đồng cũng như ngôn ngữ thường được sử dụng trong các văn bản hợp đồng. Hơn nữa, cho đến nay, chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện những đặc trưng ngôn ngữ của thể loại văn bản có tính pháp lí cao này, đặc biệt là các hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo.

Hệ thống văn bản hành chính ở một trường đại học nói chung và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng nói riêng, vừa là một đối tượng của hành chính học vừa là một đối tượng của ngôn ngữ học. Bài viết nghiên cứu về kết cấu, thể thức văn bản và liên kết văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng với mục đích khảo sát đầy đủ hơn các dấu hiệu của phong cách chức năng ngôn ngữ hành chính trong một kiểu loại văn bản đặc thù.

2. Kết cấu và thể thức văn bản của văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

2.1. Các loại hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Tập hợp 920 văn bản hợp đồng về hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, chúng tôi phân loại chúng theo các tiêu chí sau:

a. Về nội dung, các văn bản này quy tụ trong năm phạm vi:

- Hợp đồng lao động
- Hợp đồng giảng dạy
- Hợp đồng liên kết đào tạo
- Hợp đồng khoa học
- Hợp đồng kinh tế

b. Theo tên gọi được sử dụng trên tiêu mục:

- Nhóm hợp đồng lao động bao gồm: hợp đồng khoán việc; hợp đồng thuê khoán việc; hợp đồng lao động; hợp đồng thử việc; hợp đồng làm việc không xác định thời hạn; hợp đồng làm việc xác định thời hạn; hợp đồng công việc; hợp đồng ghi nhớ.

- Nhóm hợp đồng giảng dạy bao gồm: hợp đồng giảng dạy; hợp đồng giảng dạy cao học; hợp đồng cao học.

- Nhóm hợp đồng liên kết đào tạo bao gồm: hợp đồng đào tạo bồi dưỡng; hợp đồng ôn thi và tổ chức thi; hợp đồng đào tạo trình độ thạc sĩ; hợp đồng đào tạo đại học; hệ cử tuyển; hợp đồng liên kết đào tạo;...

- Nhóm hợp đồng khoa học: hợp đồng triển khai thực hiện đề tài KH&CN; hợp đồng khoa học.

- Nhóm hợp đồng kinh tế: hợp đồng kinh tế; hợp đồng dịch vụ; hợp đồng mua quà; hợp đồng đặt tiệc; hợp đồng cung cấp suất ăn; hợp đồng dịch thuật; hợp đồng thuê chuyên gia; hợp đồng tư vấn, đánh giá; hợp đồng thuê phiên dịch; hợp đồng triển khai xây dựng clip video giới thiệu và quảng bá nhà trường; hợp đồng triển khai xây dựng website cho Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;...

2.2. Mô hình chung về kết cấu của văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Kết cấu là thuật ngữ được sử dụng trong lí luận văn học, trong lí thuyết phân tích diễn ngôn và khi nói đến kết cấu văn bản tức là nói đến tổ chức nội dung, bao gồm các luận điểm, luận cứ nào và các luận điểm, luận cứ hay các phần mục được trình bày theo thứ tự nào, được sắp xếp theo quan hệ logic nào.

Nhìn chung, kết cấu của các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có 5 phần: phần thứ nhất là tiêu đề; phần thứ hai tư cách pháp nhân của các bên tham gia vào kí kết hợp đồng, phần thứ ba là các điều khoản về công việc, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên, phần thứ tư là điều khoản thi hành và phần thứ năm là các yếu tố xác định giá trị pháp lí của hợp đồng.

Tuy nhiên, các văn bản hợp đồng thuộc các nhóm hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng cũng có những điểm khác nhau.

- Điểm khác nhau thứ nhất là về số lượng các điều khoản. Số lượng các điều khoản sẽ khác nhau tùy thuộc vào các loại hợp đồng của các nhóm. Chẳng hạn như, hợp đồng giảng dạy thường có 3 hoặc 4 điều khoản, trong khi đó hợp đồng lao động thì có 5 điều khoản.

- Điểm khác nhau thứ hai là về nội dung các phần và điều khoản trong các hợp đồng thuộc các nhóm hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Sự khác nhau về nội dung được thể hiện như sau:

+ Sự khác nhau đầu tiên là về phần nội dung thông tin nhân thân của các đối tác tham gia kí kết hợp đồng với Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Trong các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, các chủ thể tham gia hợp đồng với Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có thể là một tổ chức hoặc một cá nhân, cá nhân có thể là trong Đại học Đà Nẵng và cũng có thể là ngoài Đại học Đà Nẵng. Trong các hợp đồng thuộc nhóm hợp đồng lao động, chủ thể được tiếp nhận thường là cá nhân thuộc Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm, còn trong các hợp đồng thuộc nhóm hợp đồng liên kết đào tạo, chủ thể đối tác với Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là một đơn vị hoặc một tổ chức nào đó. Đối với các hợp đồng thuộc nhóm hợp đồng khoa học, các chủ thể tiếp nhận là một cá nhân, trong hoặc ngoài Đại học Đà Nẵng, nhưng thông thường số lượng cá nhân trong Đại học Đà Nẵng sẽ chiếm tỉ lệ cao hơn so với số lượng cá nhân ngoài Đại học Đà Nẵng và thường những cá nhân này là người có học hàm, học vị cao và có chuyên môn sâu về các lĩnh vực đang được đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Còn đối với nhóm hợp đồng giảng dạy và nhóm hợp đồng kinh tế, các chủ thể đối tác là cá nhân, thuộc nhiều ngành nghề khác nhau.

+ Sự khác nhau thứ hai là về nội dung điều khoản kinh phí. Trong các văn bản hợp đồng thuộc nhóm hợp đồng lao động, hầu như không có nội dung điều khoản kinh phí, trong khi đó trong các văn bản hợp đồng thuộc các nhóm khác đều có nội dung điều khoản kinh phí. Trong các hợp đồng thuộc nhóm hợp đồng liên kết đào tạo, nội dung kinh phí được nêu ra trong một điều khoản riêng và kèm theo đó là điều khoản về phân chia kinh phí và thời hạn thanh toán. Trong các hợp đồng thuộc nhóm giảng dạy, nội dung kinh phí được đưa vào điều khoản trách nhiệm của hai bên và không có thời hạn

thanh toán đi kèm. Đối với các hợp đồng thuộc nhóm hợp đồng khoa học, nội dung kinh phí được nêu cụ thể trong một điều khoản, nhưng kèm theo là các điều khoản ràng buộc về việc thực hiện các nhiệm vụ đối với việc thanh toán kinh phí, và không có điều khoản về thời hạn thanh toán. Còn trong các hợp đồng thuộc nhóm hợp đồng kinh tế, nội dung kinh phí được nêu ngắn gọn trong một điều khoản và kèm theo sau đó là điều khoản thời hạn thanh toán và có khi còn có điều khoản về phương thức thanh toán.

Như vậy, nhìn vào đây, chúng ta sẽ thấy được những đặc điểm sau đây của văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Thứ nhất, chính các nội dung điều khoản quy định tên của văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Thứ hai, văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là những văn bản hành chính có tính pháp lý cao. Các văn bản hợp đồng thường có các căn cứ pháp luật và thông tin nhân thân của các chủ thể đều mang tính hành chính. Ngoài ra, trong các văn bản hợp đồng, bao giờ cũng có những ràng buộc trách nhiệm và đặc biệt luôn luôn có những điều khoản thi hành, có giá trị pháp lý. Hầu như tính pháp lý trở thành đặc điểm của hợp đồng mà tính pháp lý này dựa trên sự tự nguyện của hai bên. Thứ ba, văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có kết cấu chặt chẽ về logic, chia thành năm phần, không có hiện tượng nhầm lẫn giữa các nội dung.

Nếu so sánh đặc điểm của văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và các văn bản hợp đồng thông dụng được sử dụng trong các doanh nghiệp, chúng ta có thể thấy được những điểm giống nhau và khác nhau như sau:

- Giống nhau:

+ Thứ nhất, các hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và các hợp đồng được sử dụng trong các doanh nghiệp đều giống nhau về mặt kết cấu. Tất cả các hợp đồng đều có năm phần và có bố cục chặt chẽ, nội dung các phần không trùng lặp nhau.

+ Thứ hai, trật tự của các phần cũng được trình bày

theo một trình tự: phần thứ nhất là tiêu đề; phần thứ hai tư cách pháp nhân của các bên tham gia vào kí kết hợp đồng, phần thứ ba là các điều khoản về công việc, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên, phần thứ tư là điều khoản thi hành và phần thứ năm là các yếu tố xác định giá trị pháp lí của hợp đồng.

- Khác nhau:

+ Trong phần nội dung tư cách pháp nhân của các bên tham gia vào kí kết hợp đồng của các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, các chủ thể tham gia hợp đồng với Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có thể là một tổ chức (thường là một trường học hoặc một đơn vị liên quan đến giáo dục) hoặc một cá nhân. Trong khi đó, trong các văn bản hợp đồng tại các doanh nghiệp, các chủ thể tham gia là các công ty với các đại diện là các lãnh đạo của công ty.

+ Hợp đồng được sử dụng trong các doanh nghiệp thường có nhiều điều khoản ràng buộc các bên hơn so với các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Số lượng điều khoản tối đa của các hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là 7 điều, trong khi đó số lượng điều khoản tối đa trong các hợp đồng ở các doanh nghiệp có thể lên đến 25 điều.

+ Trong các văn bản hợp đồng được sử dụng tại các doanh nghiệp, nội dung hợp đồng thường là việc trao đổi, mua bán hàng hóa về mặt vật chất, còn nội dung trong các hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng chủ yếu là khoán việc cho các công việc giáo dục.

+ Tính pháp lí của các văn bản hợp đồng được sử dụng tại các doanh nghiệp cao hơn ở các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Bởi vì khác nhau về tính chất nội dung hợp đồng, nên hợp đồng tại các doanh nghiệp phức tạp hơn và kéo theo các ràng buộc pháp lí cao hơn đối với các bên tham gia kí kết hợp đồng.

2.3. Thẻ thức văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Thẻ thức văn bản là thuật ngữ của hành chính học nghiêng về cách thức và thể lệ trình bày hình thức trên bề mặt văn bản, các phần của văn bản được định dạng

như thế nào trên các trang giấy của toàn văn bản. Xét về mặt phong cách chức năng ngôn ngữ, văn bản hợp đồng thuộc phong cách hành chính - công vụ. Vì vậy, cách trình bày văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng phải tuân thủ theo Thông tư hướng dẫn thể thức và kĩ thuật trình bày văn bản hành chính của Bộ Nội vụ.

Sau khi khảo sát các nhóm hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, chúng tôi đã mô hình hóa thể thức văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng ở Sơ đồ 1.

Chúng tôi đã so sánh thể thức văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng với thể thức văn bản theo quy định do Bộ Nội vụ ban hành kèm Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 để tìm ra các điểm giống nhau và khác nhau về mặt thể thức của văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng so với quy định của Bộ Nội vụ ban hành.

Sơ đồ 2 là mô hình văn bản do Bộ Nội vụ ban hành kèm Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011.

Dựa vào hướng dẫn về thể thức văn bản của Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ, có thể thấy rằng thành phần thể thức văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng giống với thành phần thể thức văn bản trong Thông tư số 01/2011/TT-BNV từ mục 1 đến mục 8. Riêng mục 7 và mục 8, ở thể thức văn bản của Thông tư số 01/2011/TT-BNV, chỉ có một bên chữ kí, có đóng dấu của cơ quan hoặc tổ chức, nhưng ở các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, phải có phần chữ kí của hai bên tham gia kí kết hợp đồng và phần đóng dấu có thể là của một bên nào có con dấu hoặc của hai bên nếu cả hai bên đều có con dấu. Sự khác biệt này không phải là do văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng sai quy cách, mà là do kiểu văn bản hợp đồng quy định, hay nói cách khác là tính chất pháp lí của hợp đồng quy định.

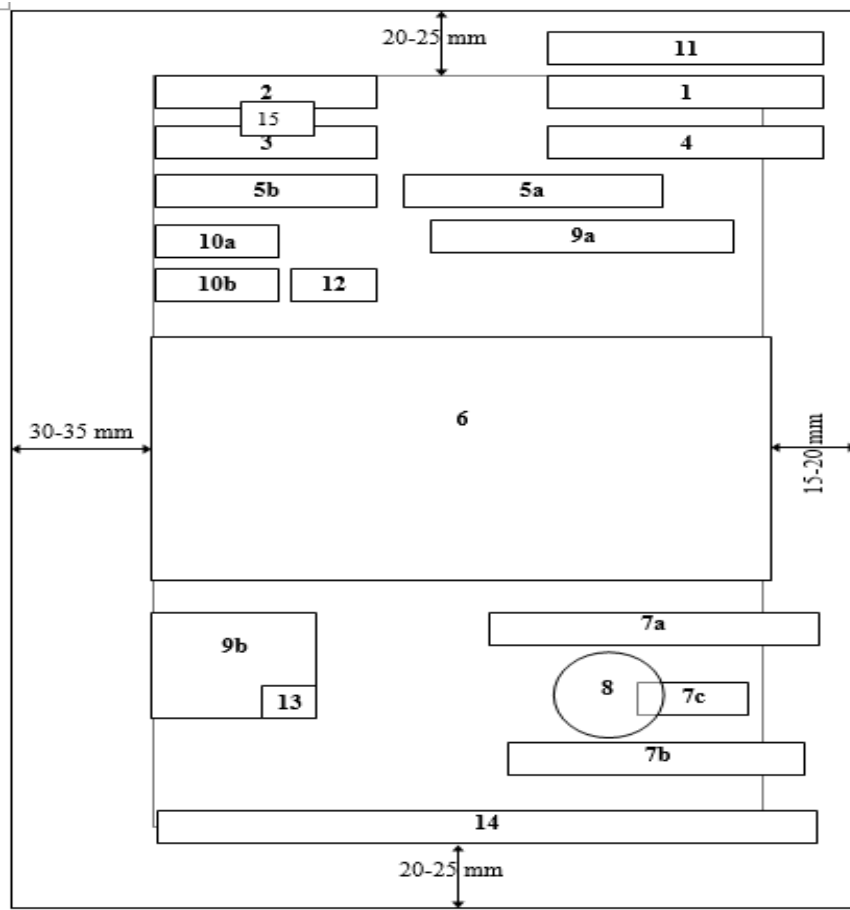
Các mục từ mục 9 đến mục 15, hầu như các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đều không có. Các văn bản hợp đồng được soạn thảo dựa trên sự thống nhất thỏa thuận của hai phía tham gia kí kết hợp đồng, và các văn bản hợp đồng thường là các hợp đồng công việc hoặc hợp đồng kinh tế, nên không cần có tính bảo mật. Sau khi soạn thảo xong, hai bên kí kết và lưu giữ văn bản theo số lượng được ghi cụ thể trong điều khoản thi hành của hợp đồng. Vì vậy, mục 9 là nơi nhận, mục 10 là dấu chỉ mức độ mật hay khần, mục 11 là chỉ dẫn phạm vi lưu hành, mục 12 chỉ dẫn về dự thảo

văn bản và mục 13 là kí hiệu người đánh máy và số lượng bản phát hành là không cần thiết. Ngoài ra, các thông tin cụ thể về nhân thân của các bên tham gia vào hợp đồng đều được nêu cụ thể và chi tiết trong phần nội dung và các điều khoản của các hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; do đó, mục 14 là thông tin cơ quan và mục 15 là logo của cơ quan không xuất hiện ở các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM	Quốc hiệu
Số: / HĐ-ĐHSP	Đà Nẵng, ngày... tháng... năm...
TÊN HỢP ĐỒNG (Trích dẫn nội dung)	
Nội dung hợp đồng Điều 1 Điều 2 ...	
Chữ kí (và dấu) của Bên A	Chữ kí (và dấu) của Bên B

Sơ đồ 1. Thể thức văn bản hợp đồng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng



Sơ đồ 2. Sơ đồ bố trí các thành phần thể thức văn bản

Ghi chú:

Ô số	Thành phần thể thức văn bản
1	: Quốc hiệu
2	: Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản
3	: Số, kí hiệu của văn bản
4	: Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản
5a	: Tên loại và trích yếu nội dung văn bản
5b	: Trích yếu nội dung công văn
6	: Nội dung văn bản
7a, 7b, 7c	: Quyền hạn, chức vụ, họ tên và chữ kí của người có thẩm quyền
8	: Dấu của cơ quan, tổ chức
9a, 9b	: Nơi nhận
10a	: Dấu chỉ mức độ mật
10b	: Dấu chỉ mức độ khẩn
11	: Dấu thu hồi và chỉ dẫn về phạm vi lưu hành
12	: Chỉ dẫn về dự thảo văn bản
13	: Kí hiệu người đánh máy và số lượng bản phát hành
14	: Địa chỉ cơ quan, tổ chức; địa chỉ E-Mail; địa chỉ Website; số điện thoại, số Telex, số Fax
15	: Logo (in chìm dưới tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản)

3. Liên kết văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

3.1. Liên kết liên câu trong văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Theo Diệp Quang Ban trong *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo của văn bản* (2009), “Liên kết, xét tổng thể, là một bộ (tổ hợp) các hệ thống ngữ pháp - từ vựng phát triển một cách chuyên biệt thành một nguồn lực có thể vượt qua các biên giới của câu, giúp cho các câu trở thành một chỉnh thể. Liên kết, xét cụ thể là kiểu quan hệ giữa hai yếu tố ngôn ngữ nằm trong hai câu, hai mệnh đề) theo cách giải thích nghĩa cho nhau. Nói rõ hơn, liên kết là kiểu quan hệ nghĩa giữa hai yếu tố ngôn ngữ nằm trong hai câu mà muốn hiểu nghĩa cụ thể của yếu tố này thì phải tham khảo nghĩa của yếu tố kia, và trên cơ sở hai câu (mệnh đề) chứa chúng liên kết với nhau” (xem [2, tr. 347]).

Câu trong văn bản hành chính, cụ thể ở đây là văn bản hợp đồng là kiểu câu được trình bày theo hình thức mang tính đặc thù. Điều đó thể hiện ở chỗ: nhiều lần xuống dòng và mỗi lần xuống dòng có khi chỉ có một cụm từ, một thành phần câu:

Ví dụ:

“Chúng tôi, một bên là ông: AAA

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đại diện cho: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3841.323.

Và một bên là bà: BBB

Sinh ngày: 20 tháng 8 năm 19xx, tại Đà Nẵng

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Báo chí

Năm tốt nghiệp: 2017

Nghề nghiệp trước khi tuyển dụng: Giảng viên

Địa chỉ thường trú tại: 131 Nguyễn Chánh, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Số chứng minh nhân dân: 186145xxx

Cấp ngày 18/10/2004 tại Công an Nghệ An.

Thỏa thuận kí kết Hợp đồng làm việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:”

(* Trong các văn bản gốc lưu trữ tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, tên của các bên kí kết hợp đồng được nêu cụ thể, nhưng vì lí do tế nhị nên chúng tôi thay bằng các kí hiệu: AAA, BBB...)

Vì thế chúng tôi phải dựa vào logic để xác định một tổ chức câu. Như chúng ta đã biết, theo logic học phải là một mệnh đề có nội dung thông báo mới được gọi là một câu. Trong mệnh đề đó phải có một chủ từ và một vị từ. Như vậy ở câu trên, “Chúng tôi là” là chủ từ mà về mặt ngữ pháp là chủ ngữ, còn “thỏa thuận” là vị từ mà về mặt ngữ pháp là vị ngữ.

Trong hợp đồng thường có các điều khoản và có những điều khoản có đề mục. Không kể đến đề mục, dựa vào logic mệnh đề như vừa trình bày trên, chúng tôi tách phần nội dung của các điều này thành các câu và phân tích mỗi liên kết của chúng. Trong mỗi nhóm hợp đồng, chúng tôi tiến hành phân tích một hợp đồng mẫu để nhận diện được các phương thức liên kết giữa các câu trong văn bản hợp đồng thuộc nhóm đó. Chúng tôi đơn cử phân tích liên kết câu trong Hợp đồng thử việc Số 470/ ĐHTV ngày 29 tháng 12 năm 2017 như sau:

Trong phần nội dung thông tin tư cách pháp nhân của các bên tham gia hợp đồng, chỉ có một câu “Chúng tôi... thỏa thuận kí kết Hợp đồng thử việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây”. Câu này liên kết với câu chủ đề hợp đồng “HỢP ĐỒNG THỬ VIỆC” bằng phép lặp từ vựng (*Hợp đồng thử việc*).

Trong Điều 1 có bốn tổ chức câu. Câu thứ nhất “Điều 1: Bà BBB làm việc theo Hợp đồng thử việc có thời gian là 03 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018.” liên kết với câu trên đó “Chúng tôi, một bên là ông: AAA... thỏa thuận kí kết Hợp đồng thử việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:” bằng phép lặp từ vựng (*Hợp đồng thử việc, BBB*). Câu thứ hai “Địa điểm làm việc” liên kết với câu thứ nhất bằng phép tỉnh lược định ngữ (*của Bà BBB*). Nếu được diễn đạt đầy đủ, câu thứ hai sẽ là: “Địa điểm làm việc của Bà BBB là Khoa Giáo dục Mầm non”. Câu thứ ba “Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ.” liên kết với câu thứ hai bằng phép liên tưởng, quan hệ hàm ẩn lặp lại định ngữ vừa kể trên. Ở câu thứ ba, nếu diễn đạt đầy đủ sẽ là: “Trình độ chuyên môn của Bà BBB là thạc sĩ”. Câu thứ tư “Công việc phải làm: Theo sự phân

công của Khoa Giáo dục Mầm non.” liên kết với câu thứ ba cũng bằng phép liên tưởng. Câu thứ tư được viết hoàn chỉnh sẽ là: “Công việc phải làm của Bà BBB là theo sự phân công của Khoa Giáo dục Mầm non”.

Trong Điều 2, có bốn tổ chức câu. Câu thứ nhất “Điều 2 Chế độ làm việc” liên kết với câu thứ tư của Điều 1 bằng phép liên tưởng (hàm ẩn lặp lại định ngữ của Bà BBB). Câu thứ hai “Thời giờ làm việc: Theo sự phân công của Ban Chủ nhiệm Khoa” liên kết với câu thứ nhất bằng phép liên tưởng bao hàm (câu thứ 2 là một phần trong ý chung bao quát của câu thứ nhất) và phép lặp từ vựng (*làm việc*). Câu thứ ba “Được trang bị những phương tiện cần thiết theo yêu cầu công việc.” liên kết với câu thứ hai bằng phép tinh lược chủ ngữ (*Bà BBB* được trang bị những phương tiện cần thiết theo yêu cầu công việc) và phép liên tưởng đồng loại vì đều là các ý riêng được bao hàm trong ý chung của câu thứ nhất. Câu thứ tư “Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của nhà nước.” liên kết với câu thứ ba bằng phép tinh lược định ngữ (Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc của Bà BBB theo quy định hiện hành của nhà nước) và phép liên tưởng đồng loại.

Điều 3 “Quyền và Nghĩa vụ của người lao động”, nếu trong mối quan hệ với toàn văn bản, được trình bày như một đề mục nhưng thực chất về mặt phương diện nội dung nó tồn tại như một câu. “Quyền và Nghĩa vụ của người lao động” là câu đặc biệt, trong đó *Quyền và Nghĩa vụ* là trung tâm và *của người lao động* là định ngữ. Nó liên kết với câu thứ tư ở Điều 2 bằng phép thế (*người lao động* thay cho *Bà BBB*). Như vậy, tiêu mục nhỏ “1. Quyền lợi” cũng là một câu, liên kết với câu “Điều 3 Quyền và Nghĩa vụ của người lao động” bằng phép lặp (*quyền*). Câu tiếp theo “- Phương tiện đi lại làm việc: Cá nhân tự túc.” liên kết với câu “1. Quyền lợi” bằng phép liên tưởng bao hàm. Các câu tiếp theo sau: “- Lương thử việc: 157.700 đồng/ ngày làm việc và thanh toán theo thực tế bảng chấm công.”, “- Phụ cấp: Theo quy định của Trường”, “- Hình thức trả lương: Theo quy định của Trường”, “- Nghi hàng tuần: Theo quy định của Trường” liên kết với nhau bằng phép tuyển tính và phép liên tưởng, hàm ẩn tinh lược định ngữ (*của Bà BBB*). Trong phần tiêu mục nhỏ “2. Nghĩa vụ”, câu thứ nhất “- Hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng thử việc” liên kết với câu tiêu mục trên

bằng phép liên tưởng bao hàm. Câu thứ hai “- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỉ luật làm việc và các quy định của pháp luật.” liên kết với câu thứ nhất bằng phép lặp ngữ pháp (cả hai câu đều là câu tinh lược chủ ngữ *Bà BBB*). Các câu tiếp theo: “- Chấp hành việc xử lí kỉ luật và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật”, “- Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền khi đơn vị sự nghiệp có nhu cầu” liên kết với nhau bằng phép lặp từ vựng (chấp hành, quy định của pháp luật) và phép lặp ngữ pháp (câu tinh lược chủ ngữ *Bà BBB*).

Tương tự như vậy, “Điều 4 Quyền và Nghĩa vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp” cũng tồn tại như là một câu đặc biệt. Tiêu mục nhỏ “1. Quyền” liên kết với câu trên bằng phép lặp từ vựng (*Quyền*). Trong phần tiêu mục nhỏ “1. Quyền”, câu thứ nhất “- Bổ trí, phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của người lao động.” liên kết với câu “1. Quyền” bằng phép liên tưởng bao hàm. Câu thứ hai “- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng thử việc, kỉ luật đối với người lao động theo quy định của pháp luật.” liên kết với câu thứ nhất bằng phép lặp từ vựng (*người lao động*) và lặp ngữ pháp (câu tinh lược chủ ngữ *Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp*). Trong phần tiêu mục nhỏ “2. Nghĩa vụ”, câu thứ nhất “- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng thử việc.” liên kết với câu tiêu mục trên bằng phép liên tưởng bao hàm. Câu thứ hai “- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ của viên chức đã cam kết trong Hợp đồng thử việc.” liên kết với câu thứ nhất bằng phép lặp từ vựng (*Hợp đồng thử việc*).

Điều 5 có bốn tổ chức câu. Câu thứ nhất “Điều 5. Điều khoản thi hành” liên kết với Điều 4 bằng phép lặp từ vựng (*Điều*). Câu thứ hai “Hợp đồng thử việc này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.” liên kết với câu thứ nhất bằng phép liên tưởng bao hàm (Câu thứ hai là ý riêng được bao hàm trong ý chung là *Điều khoản thi hành*). Câu thứ ba “Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên không ghi trong Hợp đồng thử việc này thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.” liên kết với câu thứ hai bằng phép lặp từ vựng (*Hợp đồng thử việc*) và phép liên tưởng đồng loại vì đều được bao hàm trong ý chung của câu thứ nhất. Câu thứ tư “Hợp đồng này làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, đơn vị sự nghiệp giữ 01 bản,

người lao động được kí hợp đồng giữ 1 bản.” liên kết với câu thứ ba bằng phép lặp từ vựng (*hợp đồng này*) và phép liên tưởng đồng loại.

Sau khi phân tích các hợp đồng mẫu cho từng nhóm hợp đồng, chúng tôi đã khảo sát ngẫu nhiên 100 hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Các phương thức liên kết được sử dụng với tần suất như trong bảng sau:

Bảng 1. Tần số xuất hiện của các phương thức liên kết câu

Phương thức liên kết	Số lần được sử dụng
Phép tinh lược	170
Phép lặp	435
Phép liên tưởng	370
Phép thế	85

Như vậy có thể thấy rằng, văn bản hợp đồng là kiểu văn bản mang tính pháp lí cao nên người ta chỉ lựa chọn những đơn vị từ vựng vừa đủ để diễn tả một cách chặt chẽ nhất. Tuy nhiên, vì tính pháp lí được đưa lên hàng đầu mà phương diện liên kết trong văn bản, cả liên kết nội dung lẫn liên kết hình thức đều được coi trọng. Theo sự khảo sát của chúng tôi, tất cả các phần của văn bản đều có liên kết. Trong từng phần như vậy, có những trường hợp tổ chức thành một đoạn văn và liên kết liên câu cũng rất chặt chẽ. Các phương thức liên kết được sử dụng với tần suất cao để liên kết các câu trong văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là phép lặp, phép liên tưởng và phép tinh lược. Phép lặp được dùng chủ yếu là phép lặp từ vựng. Phép lặp từ vựng là phương thức liên kết dễ nhận diện và rất cần thiết bởi nó mang lại cho văn bản tính chính xác, rõ ràng và chặt chẽ. Việc sử dụng phép lặp từ vựng giúp cho người đọc, người tiếp nhận tránh được một thao tác tư duy có thể dẫn đến hiểu sai, hiểu lầm nội dung văn bản và giúp cho các bên có một cách hiểu văn bản duy nhất. Phép liên tưởng phổ biến trong các văn bản hợp đồng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là phép liên tưởng bao hàm và phép liên tưởng đồng loại. Phép liên tưởng là phương thức liên kết thường dùng cho việc phát triển chủ đề. Nó làm giảm sự lặp đi lặp lại quá nhiều lần một đối tượng nào đó trong các văn bản hợp đồng, giúp cho văn bản

hợp đồng trở nên ngắn gọn và bớt rườm rà cho người đọc hoặc người tiếp nhận. Phép tinh lược được dùng trong các văn bản hợp đồng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là phép tinh lược định ngữ và phép tinh lược chủ ngữ. Phép tinh lược giúp cho các câu gắn bó với nhau một cách chặt chẽ hơn, tránh được sự lặp đi lặp lại nhiều lần một từ ngữ nào đó. Nó được coi là một biện pháp rút gọn văn bản một cách tối ưu nhất.

3.2. Liên kết đoạn trong các hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Trong văn bản, có trường hợp một câu tồn tại thành một đoạn văn riêng. Đó là trường hợp tác giả nhấn mạnh tách nó ra thành một đoạn độc lập. Chẳng hạn trong đoạn văn mở đầu phần *Tuyên ngôn độc lập*, thì câu văn “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được” được tách ra như một đoạn độc lập. Về mặt logic lập luận thì câu văn này là kết luận của một hệ thống luận cứ vừa kể phía trên nhưng về phương diện tổ chức văn bản thì nó làm thời mang tư cách một đoạn.

Dựa vào nội dung thì đoạn văn phải có sự hoàn chỉnh về mặt nội dung, tức là có khả năng khái quát thành một luận cứ hay luận điểm. Thậm chí, có thể dùng tên gọi luận cứ hay luận điểm ấy làm đề mục cho đoạn văn. Tuy nhiên, nếu là văn bản khoa học với các kết cấu lập luận diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp thì đoạn văn thường được xác định một cách dễ dàng; nhưng nếu là đoạn văn được viết theo dạng song hành như trong văn tả cảnh, hoặc trong thể loại tiểu thuyết,... việc xác định đoạn có phần khó hơn, có khi rơi vào việc phân định một cách chủ quan. Cũng như vậy, một văn bản hợp đồng, theo những yêu cầu chung về mặt pháp lí và sự thỏa thuận của hai phía mà kiểu văn bản này thường được chia thành từng phần. Từng phần như vậy đều có tính độc lập tương đối. Do đó chúng tôi coi từng phần là đoạn văn.

Để phân tích liên kết đoạn trong văn bản hợp đồng, chúng tôi dựa vào kết cấu của văn bản hợp đồng để phân chia các đoạn và phân tích liên kết giữa các đoạn trong các văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Chẳng hạn, Hợp đồng thuê việc Số 470/ ĐHTV ngày 29 tháng 12 năm 2017, về mặt kết cấu, có 5 phần nên có thể được chia thành 5 đoạn. Đoạn thứ nhất “ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG... HỢP ĐỒNG THUÊ VIỆC” đề cập đến chủ đề của hợp đồng. Đoạn thứ hai “Chúng

tôi, một bên là ông: AAA... thỏa thuận kí kết Hợp đồng thử việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:" nói đến tư cách pháp nhân của các bên liên quan đến hợp đồng. Đoạn thứ ba "Điều 1 Bà BBB làm việc theo Hợp đồng thử việc... Điều 4 Quyền và Nghĩa vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp..." nêu lên các điều khoản hợp đồng. Đoạn thứ tư "Điều 5 Điều khoản thi hành... người lao động được kí hợp đồng giữ 1 bản." đưa ra các điều khoản thi hành. Đoạn thứ năm "Hợp đồng này làm tại Đà Nẵng ngày 29 tháng 12 năm 2017..." là các yếu tố xác định giá trị pháp lí của hợp đồng. Đoạn thứ hai liên kết với đoạn thứ nhất bằng phép lập từ vựng (*Hợp đồng thử việc*). Đoạn thứ ba liên kết với đoạn thứ hai bằng phép liên kết khứ chỉ (Thỏa thuận kí kết Hợp đồng thử việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:). Đoạn thứ ba có bốn đoạn nhỏ là bốn điều (*Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4*). Các đoạn nhỏ này liên kết với nhau bằng phép lập từ vựng (*Điều*) và phép liên kết tuyến tính (1,2,3,4). Đoạn thứ tư liên kết với đoạn thứ ba bằng phép lập từ vựng (*Điều*) và phép liên kết tuyến tính (*Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5*). Đoạn thứ năm liên kết với đoạn thứ tư bằng phép lập từ vựng (*hợp đồng*).

Trong 100 hợp đồng được khảo sát, các phương thức liên kết đoạn được sử dụng với tần suất như trong bảng sau:

Bảng 2. Tần số xuất hiện của các phương thức liên kết đoạn văn

Phương thức liên kết	Số lần được sử dụng
Phép liên kết khứ chỉ	100
Phép liên kết hồi chỉ	60
Phép lập	515
Phép liên kết tuyến tính	300

Như vậy, có thể thấy rằng, tần số xuất hiện của phép lập là cao nhất. Văn bản hợp đồng bao giờ cũng bao gồm nhiều điều khoản để ràng buộc trách nhiệm của các bên tham gia kí kết hợp đồng, và các điều khoản thường được trình bày thành những điều là những đoạn độc lập với nhau, liên kết với nhau.

4. Kết luận

Như vậy, chúng tôi đã phân tích về kết cấu, thể thức và liên kết văn bản trong văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Về phương diện kết cấu văn bản, chúng tôi rút ra được rằng một văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng thường có năm phần: phần thứ nhất là tiêu đề, phần thứ hai là thông tin nhân thân mang tính pháp lí của các bên tham gia kí kết hợp đồng, phần thứ ba là các điều khoản nội dung hợp đồng, phần thứ tư là các điều khoản thi hành và phần thứ năm là các yếu tố xác định giá trị pháp lí của hợp đồng. Kết cấu đó được lặp đi lặp lại tạo thành một khuôn mẫu chung, tương đối giống với kết cấu văn bản hợp đồng được sử dụng tại các cơ sở doanh nghiệp và chỉ khác nhau ở số lượng và nội dung điều khoản. Về phương diện thể thức văn bản, văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng hoàn toàn tuân thủ theo những quy định về thể thức văn bản hành chính của Bộ Nội vụ và theo sát các kiểu dạng của các văn bản hợp đồng kinh tế. Sự khác biệt là vì văn bản hợp đồng trong hoạt động giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng chủ yếu là các hợp đồng khoán việc, thời gian ngắn, cho nên số điều khoản cũng ngắn hơn về mặt thể thức, và do hợp đồng giữa hai phía mang tính cá nhân và tập thể hoặc tập thể với tập thể, nên sự ràng buộc trách nhiệm, hầu như không viện dẫn đến các văn bản luật, các hình thức tố tụng. Về phương diện liên kết văn bản, vận dụng lí thuyết của ngữ pháp văn bản, chúng tôi đã nhận diện về liên kết nội dung và liên kết hình thức trong các văn bản hợp đồng đó. Nổi bật nhất trong các kiểu liên kết này là phép lập, phép liên tưởng và phép tính lược. Các phép liên kết này thể hiện rõ rệt tính tuyến tính về mặt logic của một văn bản hợp đồng và chính điều này làm nên sự chặt chẽ phải có của một văn bản hợp đồng, một kiểu văn bản pháp lí.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tạ Hữu Ánh (2010). *Soạn thảo và ban hành văn bản của cơ quan - tổ chức*. NXB Dân trí, Hà Nội.
- [2] Diệp Quang Ban (2009). *Giao tiếp - Diễn ngôn và Cấu tạo của văn bản*. NXB Giáo dục, Hà Nội
- [3] Diệp Quang Ban (2012). *Ngữ pháp tiếng Việt tập 2*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

- [4] Lê Văn Chấn (2006). *Tìm hiểu kỹ thuật trình bày văn bản công tác văn thư - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (2003). *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội
- [6] Lương Đức Cường (2013). *Các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất dùng trong doanh nghiệp*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
- [7] Hữu Đạt (1999). *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội
- [8] Nguyễn Thị Hà (2012). *Nghiên cứu chức năng ngôn ngữ văn bản quản lý nhà nước*. NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Hòa (2003). *Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lý luận và phương pháp*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [10] Học viện hành chính (2008). *Giáo trình kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
- [11] Lê Văn In (2002). *Soạn thảo văn bản của các tổ chức Đảng, mặt trận, công đoàn, thanh niên, phụ nữ, cấp cơ sở và trên cơ sở*. NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12] Đinh Trọng Lạc (chủ biên), Nguyễn Thái Hòa (1995). *Phong cách học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội
- [13] Trần Thị Thùy Linh (2015). *Nghiên cứu ngôn ngữ văn bản hợp đồng tiếng Việt từ bình diện phân tích diễn ngôn*. Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [14] Mike Harvey (2008). *Quản trị hành chính văn phòng*. NXB Hồng Đức, Hồ Chí Minh.
- [15] Hoàng Phê (2012). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
- [16] Trần Ngọc Thêm (2009). *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [17] Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

THE TEXTUAL STRUCTURE, FORM AND COHESION IN CONTRACTS OF TRAINING AND EDUCATION ACTIVITIES AT THE UNIVERSITY OF DANANG - UNIVERSITY OF SCIENCE AND EDUCATION

Abstract: Contracts have been mentioned a lot in works related to functional stylistics and document drafting, but those works have not satisfied the need for researching linguistic characteristics in contracts and theories of contract drafting. Theoretically, contracts at The University of Danang - University of Science and Education are legal administrative documents; they are both a subject of administrative studies and a subject of linguistics. This paper presents the textual structure, form and cohesion in contracts of training and education activities at The University of Danang - University of Science and Education with a view of conducting the in-depth investigation into the signs of administrative stylistics in the typical document type.

Key words: contracts; textual cohesion; training; education; teacher training university.